

CHƯƠNG 13

Tràng An

Phần 13-3

LÀNG TRÀNG AN – PHỦ BẠC



LÀNG TRÀNG AN

Thuyền tiếp tục đi trong vùng sinh thái Tràng An. Cảnh vật nơi đây thật hoang vu chắc chỉ có người địa phương mới đặt chân tới mà thôi.

Thuyền vào sông Sào Khê thì Cụ Từ cho biết là thuyền đang đi dọc *làng Tràng An*. Làng Tràng An nằm hai bên bờ sông Sào Khê. Những thôn xóm lúc đông đúc nhà cửa san sát, lúc thưa thớt tùy theo thế đất rộng hẹp hai bên bờ sông.

Cụ Từ cũng cho biết thêm, sông Sào Khê có thượng nguồn từ sông Hoàng Long. Sào Khê có chiều dài 14 cây số chảy dọc theo cố đô Hoa Lư theo hướng tây bắc-đông nam, chảy qua “xuyên thủy động” hang Luồn, lách mình qua những dãy núi đá có cây xanh và những thung lũng rồi gặp sông Vân Sàng đổ vào sông Đáy chảy ra biển cả.



Làng Tràng An với dòng sông Sào Khê uốn khúc

Cụ Từ đề nghị thuyền cập vào *bến Đá Bàn* để hưởng cảnh đẹp thiên nhiên và tìm hiểu những di tích lịch sử ở đây. Cụ cho biết vào triều Đinh, nơi đây vừa là điểm trấn giữ đài kiểm soát, vừa là nơi truyền tin hai chiều, vừa là nơi hội họp của 31 tướng trấn giữ các thung lũng ở khu Tràng An. Ngày xưa thông tin bằng cách dùng người, cách nhau một khoảng, rồi dùng tay làm loa gọi to để truyền tin đi

khắp nơi hay nhận tin từ các nơi truyền về. Do đó có một người đứng ở hòn Đá Bàn này dùng loa truyền tin đi bốn hướng đông, tây, nam, bắc, để có thể truyền đi mệnh lệnh của triều đình hay nhận tin từ các thung chuyển về. *Vua Đinh đã cử hai viên tướng trấn giữ ngày đêm.* Khi cần thông tin khẩn cấp thì đốt lửa hiệu trên đỉnh núi cao kề bên khu Đá Bàn. Núi ấy nay mang tên *núi Lửa Hồng*. Vạt núi khu Đá Bàn nay còn mang tên *Bát Quái*, dân thường đọc treo ra là Bát Khoái.

Sau khi hai tướng và binh sĩ ở đây chết đi theo biến cố lịch sử của vua Đinh, người dân Tràng An lập một phủ thờ hai vị tướng quân và binh sĩ dưới quyền ở chân núi Bát Quái.



Khu vực hòn Đá Bàn



Núi Lửa Hồng



Miếu thờ ông Phạm văn Nghị

Cũng ở nơi khu Đá bàn này đây, có một nhà chí sĩ chống quân Pháp về đây ẩn dật, đó là ông *Phạm Văn Nghị*. Ông sinh ngày 24 tháng 12

năm 1805 tại làng Tam Đăng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông đã thi đậu Hoàng giáp nên gọi ông là ông Hoàng Tam Đăng. Năm 1858, khi quân Pháp nổ phát súng xâm lược đầu tiên vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, ông tuyển 365 nghĩa quân đem vào phía nam chống giặc Pháp. Sau ông không đồng ý với vua Tự Đức về việc chuyển nhượng đất cho nước Pháp nên ông đã từ quan về đây ẩn dật tại Đá Bàn này vào năm 1874. Ông đã cùng dân chúng ở đây trùng tu lại ngôi phủ thờ hai vị tướng quân và đặt lại tên phủ là *phủ Liên Hoa*.



Phủ Liên Hoa



Miếu thờ hai vị tướng quân



Bia tạc trên vách đá

Ông Phạm Văn Nghị đã lập miếu trên hòn Đá Bàn và cùng bạn tâm giao ngồi uống rượu hay câu cá, làm thơ. Ông đã mở trường dạy cho dân chúng Tràng An. Sau khi sống ở đây 7 năm, tức từ năm 1874 đến năm 1881, do ông bị ốm nặng phải đưa ông về quê dưỡng bệnh. Ông mất vào ngày 11 tháng Giêng năm 1881, thọ 76 tuổi.

Ông để lại hai thi tập “*Tùng văn biên tập*” và “*Nghĩa trai thi tập*.” Có nhiều bài thơ nổi tiếng làm tại Đá Bàn. Trong số đó có bài Nhân, thơ tứ tuyệt.

*Một chiếc cần câu bến Thạch Bàn
Cá câu chẳng được vẫn ngồi gan
Có ai ngó giỏ cười không nói
Không cá nhưng ta được chữ nhân.*

Chúng tôi trở lại thuyền để tiếp tục cuộc hành trình trên sông nước Tràng An.



*Sông Sào Khê dưới chân núi
Ông Trạng*



Núi ông Trạng

Ở đây có *núi Ông Trạng* và quả núi khác bên kia sông hình hòm sách vì được cấu tạo bởi các lớp đá phẳng xếp thành tầng gọi là *núi Hòm Sách* là cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng bên ven bờ sông Sào Khê. Tục truyền rằng, giặc Ngô (giặc Minh) ở phương Bắc, nghe nói nước Nam có một ông Trạng nguyên bằng đá ngồi uy nghi, đường bệ bên một hòm sách lớn từ khai thiên lập địa. Chúng tức tối vô cùng, đem quân, đem thừng chảo mong kéo đổ ông Trạng để

nước Nam không còn người tài giỏi nữa. Nhưng kết quả, ông Trạng không đỗ mà chẫu lại đứt tung. Do mất đà, quân Ngô bị ngã lăn ra phía trước nên giải đất



*Núi Hòm Sách,
đổi diện núi Ông Trạng*

ấy gọi là ruộng Ngô Ngã. Chẫu đứt văng sang cánh đồng bên trái nên gọi là ruộng Vững Chẫu. Còn hai vạt đất dân ta đứng reo hò khi thấy chẫu đứt nay gọi là cánh đồng Reo Lớn và cánh đồng Reo Con.

Qua khỏi núi ông Trạng và núi Hòm sách, nay thuyền chúng tôi đang theo dòng sông Sào Khê để tới *hang Luồn* hay “Xuyên thủy động.”

HANG LUỒN

Từ bến thuyền cửa phía nam của “xuyên thủy động” hang Luồn, chúng tôi lại xuống thuyền để thực hiện cuộc du ngoạn, ngắm cảnh thiên nhiên hòa quyện với di tích lịch sử của triều Đinh. Và hơn nữa, để chúng tôi hiểu thêm sự sâu sắc về quân sự của



Hang Luồn

buổi đầu khai quốc cùng bao di tích lịch sử dân tộc chống ngoại xâm và những giá trị nhân văn truyền thống đậm đà, khởi sắc của kinh thành cổ đô Hoa Lư được lưu truyền từ xưa tới nay.



Bên trong hang

Chúng tôi được cụ Từ cắt nghĩa thật tỉ mỉ về hang Luồn như sau:

Dãy núi đá trùng điệp ẩn chứa hang Luồn là tường lũy gắn liền bảo vệ hoàng cung. Hang Luồn dài 100 mét, và là *gạch nối*, là *huyết mạch giao thông duy nhất* bằng đường thủy giữa hoàng cung và căn cứ Tràng An phía nam.

Tục truyền rằng Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp nghĩa quân xung Vương với tôn hiệu là Vạn Thắng Vương tại cửa hang Luồn này rồi cất binh dẹp loạn 12 sứ quân. Trước khi xuất binh, binh đội triều Đinh bao giờ cũng tập hợp làm *lễ tế cờ ở cửa phía nam hang Luồn*. Khi thắng trận trở về, đích thân vua cũng đến tế lễ, tạ ơn trời đất tại đây. Khi xuất binh bao giờ cũng xuất binh ở nơi phía nam này để bảo đảm bí mật .

Khi đất nước đã thu về một mối, năm 968, sau khi lập đàn tế trời, Đinh Bộ Lĩnh bố cáo thiên hạ lên ngôi vua, xưng hiệu *Đinh Tiên Hoàng Hoàng Đế*, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, niên hiệu là Thái Bình cũng tại nơi đây. Vua Đinh vinh danh người có công, khao thưởng binh sĩ rồi cho những thiền sư, cao tăng lập đàn tràng lớn *cầu siêu* ba ngày ba đêm cho những linh hồn tướng sĩ, những người vì nước mà vong thân. Vì vậy nên trên vách đá cửa hang Luồn còn lưu giữ rõ nét những hình họa chạm khắc những con thú làm vật hiến tế cho thánh thần, những con chim, con cá dùng để phóng sinh khi hành lễ cầu siêu.



Người chân quỳ chân chống



Hai tay nâng lư hương

Cũng tục truyền rằng “xuyên thủy động” hang Luồn là một *linh huyết thiêng liêng của kinh đô Hoa Lư* nên nhà vua đã cử nhiều vị cao tăng, những đạo sĩ giỏi và lập một đàn trấn yểm. Truyền xưa kể rằng một đàn trấn yểm, người xưa phải dùng mộc, nhân, tượng, mã, xà, ngũ sắc, ngũ cốc và “*linh phù*” mà ta còn thấy rất rõ một số chi tiết khắc trên đá. Đã hơn một nghìn năm, thế mà những đường nét chạm khắc vẫn còn rất rõ nét như thách thức với thời gian.

Qua hang Luồn, ngược hướng tây-bắc khoảng 300 mét, vua Đinh Tiên Hoàng đã cho xây dựng hoàng cung từ phía nam chân núi Đại Vân ra phía bắc tức là khu đền thờ vua Đinh và vua Lê hiện nay.

Tràng An giữ trọng trách là một căn cứ quân sự bất khả xâm phạm liền kề cung điện để bảo vệ hoàng thành.

Khu vực hang Luồn này còn gọi là khu “Cái Hạ” (Cái là chính, Hạ là dựa trên hình thể của những dãy núi chung



Núi Tràng An trùng điệp

quanh tạo thành chữ Hạ), là nơi an toàn, cơ mật để vua cùng các quan hội họp, luận bàn việc nước.



Thung Cái Hạ



*Thung Cái Hạ
nhìn từ phủ Bắc*

Sau này và cũng nơi này, biết bao nhiêu tao nhân, mặc khách cùng về nơi đây để du sơn ngoạn thủy. Các vua, chúa cũng về đây để cầu trời đất,

thánh thần và anh linh của vua Đinh Tiên Hoàng Đế cùng các trung thần, nghĩa sĩ tại nơi thiêng liêng đặc địa này.

Năm 1770 chúa Trịnh Sâm tới đây như trăm trở, bộc bạch nỗi niềm tâm sự với núi sông, với anh linh của các bậc tiền nhân nên đã làm một bài thơ chữ Hán, cho khắc trên vách núi thành một bia lớn ngoài cửa hang Luồn, được dịch:

*Quay thuyền về đến bến Tràng An
Nhác thấy Hoa Lư cũng thuận miền
Như tắm lụa trắng hang dội nước
Có từng núi mọc, cửa trông then
Cố đô đã mấy lần thay đổi
Thiên phủ còn nguyên dấu vũng bên
Hưng phế xưa nay bao chuyện cũ
Lòng dân đáng sợ chó nên quên*
(Thơ dịch của Đinh Gia Thuyết)



*Quay thuyền về đến bến Tràng An
Đường dạo Hoa Lư cũng thuận miền
Sông như giải lụa hang nhỏ nước
Điệp trùng núi mọc cửa cài then*

*Cố đô dời đổi đâu dấu tích
Chỉ thấy quanh co núi nước liền
Hưng phế người xưa coi đã rõ
Lòng dân đáng sợ chớ nên quên.*
(Không biết tên dịch giả)

PHỦ BẠC

Cụ Từ đưa chúng tôi đi thăm phủ thờ ngài Nguyễn Bặc gọi là phủ Bặc. Cụ cho biết:



Ngôi phủ nằm trên sườn núi như một viên ngọc quý lọt giữa hàm rồng. Phía dưới là “xuyên thủy động” hang Luồn có dòng sông Sào Khê uốn lượn qua, thật là “sơn thủy hữu tình”, một tuyệt tác của thiên nhiên. Phủ “*thờ vọng*” vua *Đinh Tiên Hoàng* và thờ *khai quốc công thần Thái Tổ Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc* và công đồng tướng sĩ triều *Đinh* do con cháu, hậu duệ của Nguyễn Bặc dựng nên. Tên phủ còn gọi là *Phủ Đại*.

Nguyễn Bặc là người *cùng làng, cùng sinh* năm 924 với vua Đinh. Thuở nhỏ cùng là *bạn chẵn trâu*, kề cận với Đinh Bộ Lĩnh như hình với bóng. Sau này cùng Đinh Bộ Lĩnh đi dẹp loạn 12 sứ quân. Tương truyền rằng Nguyễn Bặc là người thao lược, văn võ song toàn. Nguyễn Bặc đích thân cầm quân đi đánh sứ quân nào thì sẽ thắng sứ quân ấy. Khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong 12 sứ quân, Nguyễn Bặc là *người tham mưu* cho Đinh Bộ Lĩnh phải xưng đế và chọn Hoa Lư để đóng đô. Ông đưa kế sách nào, vua Đinh Tiên Hoàng cũng theo kế sách đó. Vua Đinh phong cho ông vào bậc khai quốc công thần, tứ trụ triều đình. Lịch sử coi *Nguyễn Bặc là đệ nhất công thần dưới triều Đinh*.

Sau 12 năm trên ngôi, vào đêm rằm tháng 8 năm 979 vua Đinh Tiên Hoàng bị kẻ nghịch thần, nội nhân Đỗ Thích sát hại. Nguyễn Bặc cùng các bậc khai quốc công thần như Đinh Điền, Phạm Hạp, Lưu Cơ (“Tứ trụ triều đình” của nhà Đinh là Đinh quốc công *Nguyễn Bặc*, Thái sư *Trịnh Tú*, Đại tư đồ *Đinh Điền*, Đô hộ phủ sĩ sư *Lưu Cơ*) và các tướng trung thành bảo vệ ấu chúa Đinh Toàn, đưa ấu chúa vào Tràng An ẩn dấu để tránh sự truy sát của Lê Hoàn và quyết phục hưng triều Đinh. Nguyễn Bặc bị Lê Hoàn bắt và bị giết vào rằm tháng 10 cùng năm đó bên dòng sông Chanh.

Lịch sử đã coi Đinh Bộ Lĩnh và Nguyễn Bặc như tam đồng: *đồng sinh, đồng hương* và *đồng chí hướng*.

Chúng tôi vào thăm khu Phủ Đại.



Phủ Đại



Nghi môn

Qua Nghi môn rồi qua hệ thống bậc thang chúng tôi tới trước sân Phủ. Hai cột trụ vươn cao với đôi câu đối trên thân cột:



Sân phủ hang Luồn

*Vạn cổ anh linh chiêu Việt địa
Thiên thu hiển hách đối Nam sơn*

(Muôn đời hồn thiêng nước Việt hội tụ nơi đây/
Ngàn năm hiển hách trường tồn cùng núi Nam.)

Qua sân chúng tôi thấy có bốn cột đá khắc những câu đối trên mỗi cột. Phía trên hàng hiên có hàng đại tự : *Khai Môn Kiến Hỉ* (mở cửa gặp may).

Vào trong Phủ, ngay phía trên *chính điện* có bức hoành phi đề: *Trung Nghĩa Tác Sơn Hà* (Lòng trung nghĩa được dựng xây và trường tồn cùng xã tắc).

Tiếp theo là tới nhà nhà tiên đường gồm 5 gian được phân bố:

- Ba gian giữa dùng để tế lễ.



- Hai ban thờ ở *Trung Nghĩa Tác Sơn Hà* hai gian hai bên: Ban thờ bên phải thờ các đấng tôn thần hậu duệ dòng dõi Nguyễn Bặc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng và các vị vua triều Nguyễn v.v... Ban thờ bên trái thờ các tôn thần liệt nữ hậu duệ của dòng dõi Nguyễn Bặc.

Hai bên cột giáp tường có đôi câu đối:

*Nguyễn tộc tiết liệt tôn kim cổ
Như vũ lâu đài kỷ hậu lai*

(Khí tiết họ Nguyễn truyền mãi xưa nay/
Đền miếu uy nghi rạng danh muôn thuở.)

Hai bên của *nhà tiên đường* còn lưu giữ những cổ vật do hậu duệ dòng họ Nguyễn Bặc sưu tầm được và được lưu trữ ở đây. Trong số cổ vật có những đồng tiền đủ loại, đại diện cho tất cả triều đại của nước ta, trong đó có đồng tiền Thái Bình của triều Đinh. Đây là đồng tiền đầu tiên của nước ta, đúc năm 970 sau hai năm lên ngôi, với bốn chữ “*Thái Bình Hưng Bảo*” ở mặt trước và chữ *Đinh* in nổi ở mặt sau và *kết thúc lưu hành vào năm 980* sau khi vua Đinh Tiên Hoàng băng hà. Đồng tiền này

được thay thế bằng đồng tiền của nhà Tiền Lê sau đó.

Bên cạnh những đồng tiền, nơi đây còn lưu trữ những cổ vật khác của thời Đinh, Lê, Lý, Trần được các nhà khảo cổ tìm thấy trong khu vực cổ đô Hoa Lư, Tràng An.

Tiếp theo, Ban thờ phía ngoài *hậu cung* có một lư hương lớn thờ công đồng và tướng sĩ triều Đinh.



Ban thờ công đồng

Tiếp theo, Ban thờ chính giữa *hậu cung* là nơi thờ Khai Quốc Công Thần Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc.



Kiểm lệnh

Trong cùng là *cung tâm*, điện trong cùng là cung “vọng đế” thờ vua Đinh. Bài vị thờ trên ngai vàng đề: “*Khai cơ sáng nghiệp Đinh Tiên Hoàng Đế, hựu Bộ Lĩnh bệ hạ.*” Trên tường, ngay sau ngai vàng có gắn một chiếc quạt bằng đồng đúc nổi hình “lưỡng long châu nguyệt”, tượng trưng như quạt dâng cho Hoàng đế mỗi khi xa giá vi hành về ngự tại đây.



Ban thờ chính giữa



Bát bửu



Chiếc quạt bằng đồng đúc

Ra khỏi sân Phủ, rẽ trái khoảng 15 mét thì chúng ta sẽ tới một hang nhỏ khô ráo. Trong hang này là *một kho tàng cổ vật* thời triều Đinh lưu giữ ở đây như đồ sứ, đồ sành, đồ đá. Những hòn đá mài đủ cỡ lớn nhỏ và đa dạng để mài binh khí. Bên cạnh đó lại có vại, chum, vò tìm được ở khu vực này.



Những hòn đá mài lớn, nhỏ



Lưỡi giáo, tên



Cối đá



Đồ sứ



Đồ sành

Chúng tôi ra khỏi hang, tiếp tục leo những bậc thang đá để leo lên cao hơn, gặp một *ban thờ bạch hổ*. Cạnh ban thờ là một giếng nước sâu vào lòng núi, sâu tới tận mặt nước của con sông phía dưới chân núi.



Ban thờ thần Bạch hổ



Giếng “giải oan”



Long thần

Chúng tôi tiếp tục leo thêm, rẽ bên trái, gặp thêm một di tích lịch sử. Xưa có một *đài quan sát*, truyền tin để bảo vệ cho kinh thành Hoa Lư và để bảo vệ cho những cuộc hội họp của vua Đinh cùng các quân thần ở khu vực hang Luồn. Sau dân Tràng An lập một đền thờ nhỏ để thờ vua Đinh và tướng sĩ của ngài trong một hang khô ráo rất đẹp gọi là *động Đại*. Cửa động thờ “*long thần*” và bên cạnh là giếng “*giải oan*”, không ai biết giếng sâu tới đâu trong lòng núi.

Đứng từ nơi cao này, chúng tôi có thể quan sát được một cảnh rộng với thế núi thế sông tạo nên thế

phong thủy của chữ Hạ. Do đó ta gọi thung này là *thung Cái Hạ*.

Bề mặt đất phẳng ở phía dưới Phủ có *đền thờ Nguyễn Trãi*, hậu duệ của Nguyễn Bặc. Người lập đền thờ này là người đến từ Côn Sơn.



Đền thờ Nguyễn Trãi



Sân đền

Hàng chục ngọn núi bao bọc và châu về thung Cái Hạ. Có giải núi trông như con rồng uốn khúc, hổ quỹ, voi phục. Ngọn núi đối diện với Phủ Đại, bên cạnh sông Sào Khê còn lưu rõ nét *khắc một con rồng*. Tương truyền rồng khắc này tượng trưng *như một vị giám quan trấn giữ* khu trước cửa ngõ thung Cái Hạ.

ĐƯỜNG TRỞ LẠI HOA LƯ

Rời phủ Bặc, chúng tôi lại xuống thuyền đi qua hang Luồn, hướng về phía tây-bắc tức về *phía hoàng cung*. Cửa hang phía này rộng tới 35 mét. Qua cửa hang, một không gian mở rộng, tương truyền rằng *đây là nơi hội họp của vua Đinh Tiên Hoàng và các trọng thần ở trên thuyền*.

Thuyền tiếp tục đi thì gặp *phủ Mộc*, một vị trí canh phòng của quân lính triều Đinh. Sau đó là *Ghênh Tháp*, còn nguyên di tích nơi vua Đinh đứng duyệt thủy binh và đứng xem bơi chải trong những ngày hội Cờ Lau vào mỗi *tháng 3 âm lịch*. Đây cũng là thắng cảnh nổi tiếng. Ven sông có hòn *núi Mã Yên*. Tới đây, thuyền đã vào địa phận cổ đô Hoa Lư.



Cửa ra hang Luồn



“Ghênh tháp”

Qua hang Luồn khoảng 300 mét là trở về hai ngôi đền Đinh và Lê.



Cổng đền vua Đinh

Một điểm có thể lưu tâm là từ *phủ Khổng* đi xuôi về *đền vua Đinh*, Lê có khoảng cách là 1,5 cây số. Và đi ngược lại từ *phủ Khổng* trở lại *bến đò trung tâm Tràng An* của thung Áng Mương cũng có khoảng cách là 1,5 cây số. Nghĩa là *phủ Khổng* nằm ngay chính giữa của hai đền Đinh, Lê tới bên đò trung tâm Tràng An. Bến đò Tràng An cách đền Đinh, Lê khoảng 3 cây số về hướng nam.

Tôi thấy Thi hơi lạnh vì nước trong hang Luôn nhỏ từ trần xuống làm ướt đầu và hai vai nàng. Tôi vội lấy áo trong “ba lô” của tôi khoác lên vai Thi. Thi nhìn tôi với đôi mắt cảm ơn và đầy triu mến. Tôi nhẹ ghì nàng vào người tôi như muốn truyền cho nàng thêm chút hơi ấm. Thi cầm bàn tay tôi bóp nhẹ, những ngón tay nàng đan vào những ngón tay tôi. Thi ghé miệng vào tai tôi nói nhẹ “Anh ...” như muốn nói thầm điều gì với tôi. Tôi ghé sát tai gần vào miệng nàng hơn như để lắng nghe. Bất chợt Thi cắn nhẹ vào vành tai tôi rồi vội nhả ra ngay, hai tay bịt miệng cười. Tôi tròn mắt nhìn, mím môi, dơ tay lên như như như muốn “cốc” nàng. Thi vội lấy hai tay ôm đầu kêu nhỏ:

- Không được đánh em!

Uyên ngồi phía trên quay đầu xuống nhìn hai chúng tôi. Uyên hỏi ngay:

- Thi nó lại trêu gì anh phải không?

Tôi chỉ cười mà không nói. Thi vẫn lấy hai tay bịt miệng vừa cười vừa trả lời chị:

- Không ạ!

Uyên vừa quay đầu đi, thỉnh linh tôi thổi mạnh vào lỗ tai Thi. Thi giật mình, cười lên khanh khách:

- Em không đùa nữa đâu!

Uyên quay vội lại thấy Thi cứ che tai mà cười. Uyên cũng mím cười dù nàng chẳng biết chúng tôi vừa làm gì ở phía sau lưng.

Cô lái đồ chọt hỏi:

- Anh vui tính quá! Anh có cháu nào chưa?

Tôi vội trả lời ngay một cách rất nghiêm trang:

- Tôi có hai cháu, một đứa lên 5 và một đứa lên 3.

Cô lái đồ trợn mắt nhìn Thi. Thi cũng trợn mắt nhìn tôi. Cô lái đồ chỉ Thi ngập ngừng:

- Chị đây ... còn... trẻ ... !?

Thi tỏ ra lúng túng định nói thì tôi lại lên tiếng:

- Một trai, một gái.

Cô lái đồ hết nhìn tôi rồi lại nhìn Thi, không nói gì. Tôi đoán cô không hỏi thêm vì ngờ là tôi đang trêu cô nên cô chỉ tùm tùm cười một mình. Thi vẫn trợn mắt nhìn tôi. Tôi cười nói với cô lái đồ:

- Tôi nói thật đấy! Hai đứa cháu tôi, con của bà chị, chúng nó ngoan lắm!

Tôi vừa nói xong câu ấy, mọi người trong thuyền đều cười. Cụ Từ cũng cười theo. Thi được thể, hai tay đâm vào cánh tay tôi nhõng nhẽo:

- Em ghét anh lắm! Chị Thìn chưa có chồng mà anh dám nói chị ấy có con. Em về mách chị ấy cho anh bị đòn luôn.

Uyên thấy thế nói với Thi:

- Chẳng mấy năm nữa có chồng, với tính nhõng nhẽo này, không biết cô có ăn tranh của con không đây!

Tôi cười:

- Uyên, anh không sợ “cô ấy” ăn tranh của con, mà anh chỉ sợ “cô ấy” ăn tranh của chồng thôi.

Mọi người lại cười. Thi chồm tới cắn vào cánh tay tôi mà không chịu nhả ra cho tới khi tôi cù vào cổ nàng. Chợt cô lái đồ than:

- Hai năm nay, vợ chồng chúng em “cố” mãi mà chưa được đứa con nào!

Chúng tôi im lặng để tôn trọng lời than vãn của cô.

Tôi an ủi:

- Cô còn trẻ mà!

Cô lái đồ lại nói:

- Vâng, năm nay em 20 tuổi rồi. Chồng em là con một nên mẹ chồng em muốn có cháu trai sớm để nối dõi tông đường. Bà sốt ruột, cứ nhắc chúng em suốt thôi. Em chỉ sợ vài năm nữa không sinh đẻ được, mẹ chồng em lại đi cưới vợ khác cho anh ấy. Em cũng lo lắm!

Chúng tôi yên lặng không nói gì thêm trước sự lo âu của cô.

Tôi ghé vào tai Thi nói thật nhỏ chỉ đủ nàng nghe:

- Anh cũng là con trai một đấy!

Thi ngừng lên nhìn tôi mỉm cười rồi bẽn lẽn cúi xuống, lấy ngón chân cái bấm mạnh vào bàn chân

tôi. Nhìn đôi mắt long lanh của Thi khiến tôi muốn hôn lên má nàng.

Thuyền tiếp tục đi trên dòng sông Sào Khê. Tiếng mái chèo khua nước, tiếng sóng vỗ mạn thuyền nghe êm ả làm sao. Tôi nhìn ngắm Thi ngồi thu mình, hai tay chống cằm nhìn cảnh vật bên bờ sông. Tôi để tay lên bờ vai nàng bóp nhẹ. Thi quay lại nhìn tôi mỉm cười rồi lại quay đi lơ đãng ngắm cảnh. Tôi biết trong lòng Thi đang vui với cái hạnh phúc mà tôi đang mang đến cho nàng. Tôi mỉm cười một mình với ý nghĩ ấy.

Tôi quay lại nhìn sang thuyền Hội đang đi ở phía sau. Thư đang khua chân múa tay nói gì mà Mơ cứ bật miệng cười ngặt nghẽo. Thỉnh thoảng Mơ lại đánh vào tay Thư. Hội thì lúc nào cũng trong tư thế như chỉ sợ ai cướp giật mất Mơ, nghĩa là cứ ôm cô chăm chặt. Tôi ra dấu cho cô lái đò đi chậm lại chờ thuyền Hội tới gần để nói chuyện cho vui.

Khi thuyền Hội tiến gần đến thuyền chúng tôi, tôi hỏi vọng sang:

- Hai cô nói chuyện gì mà cứ cười như “nắc nẻ” vậy? Kể cho chúng tôi nghe với!

Vừa nghe tôi nói thế, Thư đứng ngay dậy, nói sang:

- Em đang tả cảnh chị Mơ vác cái “bầu” to tướng trước bụng trong ngày ra trường của anh Hội. Một tay ôm bụng, một tay khoác lên vai em để được dìu đi, nắc nẻ theo chồng. Đúng lúc chồng lãnh bằng thì

chị ấy đau đẻ. Các anh chị thấy cảnh đó có vui không?

Vừa nói Thư vừa làm điệu bộ ôm bụng đau đẻ làm mọi người cùng cười. Thư giả vờ đau quần quại, kêu lên:

- Đưa em đi đẻ! Anh Hội ơi, đưa em đi đẻ! Mau lên! Mau lên!

Mọi người trên hai thuyền đều cười trước sự pha trò có duyên của Thư. Mơ cứ cười rũ ra với cái bản tính hồn nhiên của cô. Mơ vừa cười vừa đánh vào tay Thư:

- Cái cô này...!

Hội cười nói với cô em:

- Còn cái thân cô đấy! Cứ chế giễu người ta đi!

Thư nhún nhảy, hai tay làm như chim bay, trả lời ông anh;

- Ai bảo anh nói sẽ lấy chị Mơ sang năm. Lấy sớm thì phải có “bầu” sớm chứ, chị Mơ nhỉ?

Mơ nhìn Hội cười nũng nịu:

- Em không muốn có “bầu” sớm đâu!

Hội véo vào má Mơ:

- Cứ lấy nhau đi đã rồi hãy tính! Không lấy em ngay, nhớ có anh trai làng nào “cuỗm” mắt của anh thì sao!

Mơ sung sướng, thật thà nói lại:

- Em đã hứa lấy anh rồi mà!

Hội lại véo má Mơ:

- Em hứa thật rồi đấy nhé!

Vừa nói Hội vừa đưa ngón tay ra cho Mơ “móc ngoéo”. Mơ cười và cũng đưa ngón tay ra “móc ngoéo” lại với Hội:

- Nếu em có chết thì em cũng chỉ là vợ của anh thôi mà!

Hội cười:

- Nhớ đấy nhé! Không được nuốt lời đấy!

Mơ nhìn Hội đầy thương yêu, dơ tay phải lên:

- Em thề!

Thư vỗ tay to:

- Em làm chứng cho hai người! Mai về Hà Nội phải đưa em đi ăn kem Cẩm Bình đấy!

Mơ nhìn Thư:

- Anh chị mời, mời cả cậu bạn của em nữa! Xin mời các anh chị ở đây luôn!

Thư cười vang:

- Anh bạn của em chỉ thích ăn phở gánh ở vỉa hè thôi. Anh ta ăn mấy bát phở lớn lận, anh chị không có tiền trả đâu.

Nghe Thư nói thế lại làm mọi người cùng cười.

Hội đứng lên tuyên bố:

- Xin mời tất cả mọi người đi ăn kem cốc Cẩm Bình.

Mọi người vỗ tay hoan hô. Tôi nói nhỏ với Uyên:

- Anh em mình đoán đúng đây chứ nhỉ! Thế nào cặp này cũng cưới nhau sớm mà.

Uyen nhìn tôi mỉm cười gật đầu.

Thuyền đi thêm một đôi nữa thì cặp bốn. Chúng tôi lên bờ và hết lời cảm ơn hai cô lái đò cùng với một số tiền đò hậu hĩnh. Cụ Từ và chúng tôi thuê xe về nhà trọ ở thị xã Ninh Bình và cũng không quên mời cụ cùng ăn cơm tối với chúng tôi ở nhà hàng nơi chúng tôi ở trọ như tối hôm qua. Chúng tôi đưa cụ tới nhà người quen của cụ rồi mới quay về nhà trọ. Trên đường về chúng tôi rảo quanh thành phố mua một vài món quà cho mọi người ở nhà. Uyên và Thi mua cho bố mẹ tôi một chiếc khăn trải bàn thêu rua, một đặc sản của Ninh Bình. Mơ và Thu cũng thế, mỗi người đều mua quà mang về. Tôi không quên mua quà biếu cụ Từ.■

